

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ) trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh Sóc Trăng năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, Kỳ họp thứ 4 phê duyệt tổng số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ) trong đơn vị sự nghiệp công lập và hội có tính chất đặc thù năm 2022;

Căn cứ Công văn số 6710/BNV-TCBC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền tổ chức, quản lý biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 881/TTr-SNV ngày 21 tháng 12 năm 2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban, ngành, tỉnh Sóc Trăng năm 2022; kèm theo phụ lục chi tiết.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Căn cứ chỉ tiêu được phân bổ và thẩm quyền theo phân cấp, quyết định phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc (đồng thời gửi Sở Nội vụ để theo dõi).

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, chấm dứt hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ không đúng với quy định của pháp luật tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên.

c) Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, điều chuyển, thực hiện tinh giản biên chế đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dôi dư viên chức so với số lượng người làm việc được giao.


2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ đối với các sở, ban, ngành và địa phương.

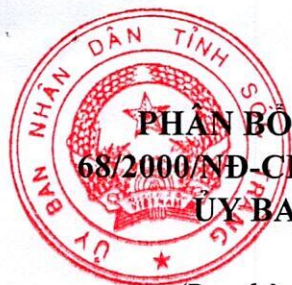
b) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nghiêm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng số lượng người làm việc vượt chỉ tiêu được giao và không đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, NC, HC, VT 





PHỤ LỤC

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số lượng người làm việc	Số lượng người làm việc thuộc:				Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao và du lịch	Sự nghiệp khác	
1	2	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10
	Tổng cộng (I+II):	21.056	18.029	2.200	375	452	1.300
I	Cấp tỉnh	5.699	2.945	2.200	154	400	254
1	Sở Công Thương	24				24	24
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.593	2.593				129
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10				10	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	76				76	41
5	Sở Nội vụ	16				16	3
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	238				238	6
7	Sở Tư pháp	18				18	1
8	Sở Thông tin và Truyền thông	18				18	2
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	154			154		24
10	Sở Y tế	2.200		2.200			12
11	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh Sóc Trăng	6	6				
12	Trường Bổ túc Văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ	30	30				12



STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số lượng người làm việc	Số lượng người làm việc thuộc:				Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ -CP
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao và du lịch	Sự nghiệp khác	
1	2	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10
13	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	218	218				12
14	Trường Cao đẳng Nghề	98	98				10
II	Cấp huyện	15.357	15.084	0	221	52	1.046
1	Huyện Cù Lao Dung	871	846		23	2	90
2	Huyện Châu Thành	1.249	1.214		18	17	104
3	Huyện Kế Sách	1.903	1.883		18	2	132
4	Huyện Long Phú	1.296	1.276		18	2	86
5	Huyện Mỹ Tú	1.324	1.304		18	2	100
6	Huyện Mỹ Xuyên	1.876	1.856		18	2	102
7	Huyện Thạnh Trị	1.209	1.189		18	2	98
8	Huyện Trần Đề	1.539	1.519		18	2	80
9	Thành phố Sóc Trăng	1.265	1.211		37	17	80
10	Thị xã Ngã Năm	1.005	986		17	2	57
11	Thị xã Vĩnh Châu	1.820	1.800		18	2	117